

Biểu CNTT-02**MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG
NGHIỆP CNTT, ĐTVT**Đơn vị báo cáo: Doanh
nghiệp CNTT, ĐTVTBan hành kèm theo TT số
...../2022/TT-BTTTT

Năm 20...

Ngày nhận báo cáo: Trước 31/3
năm tiếp theoĐơn vị nhận báo cáo: Vụ
CNTT, Sở TT&TT (*)**1. Tổng doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông:**

--

 (Tỷ đồng)*Chia theo nhóm lĩnh vực hoạt động chính ($I=1.I+...+1.4$)*

1.1. Doanh nghiệp phần cứng, điện tử:

1.2. Doanh nghiệp phần mềm:

1.3. Doanh nghiệp nội dung số:

1.4. DN cung cấp dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối):

2. Trị giá xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa phần cứng công nghiệp CNTT, ĐTVT:(Nghìn
USD)*Trong đó:*

2.1 Trị giá xuất khẩu điện thoại và linh kiện

2.2 Trị giá xuất khẩu máy tính và linh kiện

3 Trị giá nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa phần cứng công nghiệp CNTT, ĐTVT:(Nghìn
USD)*Trong đó:*

3.1 Trị giá nhập khẩu điện thoại và linh kiện

3.2 Trị giá nhập khẩu máy tính và linh kiện

4. Số tiền doanh nghiệp CNTT, ĐTVT nộp NSNN:

5. Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp CNTT, ĐTVT:

6. Số lượng lao động của doanh nghiệp CNTT, ĐTVT:

6.1. Trong đó, lao động nữ:

	(Tỷ đồng)
	(Tỷ đồng)
	(Người)

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU
(Thông tin người thực hiện)

..., ngày ... tháng ... năm 20...

GIÁM ĐỐC
(Ký điện tử)

a) *Khái niệm, phương pháp tính*

Doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử viễn thông: Là tổng số tiền doanh nghiệp CNTT, ĐTVT thu được từ hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trong kỳ báo cáo.

Trị giá nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông: Là tổng trị giá nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa phần cứng, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin trong kỳ báo cáo. Hàng hóa phần cứng, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin là hàng hóa thuộc các nhóm: điện thoại các loại & linh kiện, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện.

Trị giá xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông: Là tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa phần cứng, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin trong kỳ báo cáo.

Số lượng lao động của doanh nghiệp CNTT, ĐTVT: Là tổng số người lao động hưởng lương tại doanh nghiệp CNTT, ĐTVT tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo.

Số tiền doanh nghiệp CNTT, ĐTVT nộp NSNN: Là toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản nộp khác mà doanh nghiệp CNTT, ĐTVT phải nộp NSNN theo quy định của pháp luật trong kỳ báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp CNTT, ĐTVT: Là phần lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp CNTT, ĐTVT sau khi trừ số tiền thuế TNDN phải nộp của kỳ báo cáo theo quy định.

b) *Cách ghi biểu*

Ghi thông tin, số liệu theo hướng dẫn cụ thể tại biểu mẫu.

c) *Nguồn số liệu*

Doanh nghiệp CNTT, ĐTVT lập biểu căn cứ số liệu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp của kỳ báo cáo.

(*) *Doanh nghiệp CNTT, ĐTVT gửi báo cáo Sở TT&TT nơi Doanh nghiệp có trụ sở chính.*